TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **307**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đỗ Thanh Hiền**

Bà **Phan Thị Quý**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 792/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: **Lưu Nguyễn Kim T1,** sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh và chị Lưu Nguyễn Kim T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2019 thì có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T1 có quan hệ với người đàn ông khác. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019, đến nay cũng không hàn gắn được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: cho anh được ly hôn với chị Lưu Nguyễn Kim T1.

-Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 18/6/2008, Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2009, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/5/2016 và Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/11/2018. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 04 con, yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng mỗi tháng.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

Chị Lưu Nguyễn Kim T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Anh T.

Tại phiên tòa, Anh T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con như đã trình bày. Chị T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đối với đương sự: nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung, giao cho Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung, buộc chị T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng; tài sản chung: và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lưu Nguyễn Kim T1 được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Nguyễn Kim T1 chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2009 tại UBND xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 quyển số 01/2009, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo Anh T trình bày tại phiên tòa thì vợ chồng sống hạnh phúc đến 6/2019 thì có mâu thuẫn do chị T1 có quan hệ với người đàn ông khác, gia đình biết và có khuyên can nhưng chị T1 không nghe mà còn bỏ ra ngoài thuê trọ sống. Anh và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, chị T1 cũng không chịu về nhà thăm các con mà chỉ liên lạc với con qua điện thoại. Nay anh không còn tình cảm với chị T1 nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, Anh T xin ly hôn với chị T1 nhưng chị T1 không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Anh T dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay Anh T vẫn cương quyết xin được ly hôn, chị T1 không đến Tòa án và vắng mặt không lý do điều này thể hiện chị T1 không có ý chí mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn mà để mặc cho Anh T quyết định.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện giữa Anh T và chị T1 không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nay Anh T xin ly hôn với chị T1 là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Anh T và chị T1 có 04 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 18/6/2008, Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2009, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/5/2016 và Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/11/2018. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng bốn con chung vì chị T1 không có chổ ở ổn định.

Xét, các con của Anh T và chị T1 đã sinh sống ổn định với Anh T kể từ ngày anh chị mâu thuẫn và sống ly thân nhau, cháu T2 và cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống với cha. Từ ngày chị T1 bỏ đi thì các con vẫn được Anh T chăm sóc tốt và cho đi học. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nơi sinh sống của con và nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao 04 con cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh T yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho mỗi cháu.

Xét, các con của Anh T và chị T1 thì đều chưa thành niên, trong đó có 02 cháu còn đang đi học, 01 cháu được 04 tuổi và 01 cháu mới hơn 01 tuổi. Từ ngày anh chị sống ly thân thì Anh T là người trực tiếp nuôi 04 con và chăm lo cho các con nhưng anh chỉ làm thuê nên thu nhập không cao, lo cho 04 người con thì khá vất vả. Theo Anh T thì chị T1 đi làm công nhân, có thu nhập để phụ nuôi con nhưng chị T1 ít khi phụ anh nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Việc nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cả cha và mẹ, mức cấp dưỡng Anh T yêu cầu so với nhu cầu thiết yếu của con trẻ là không cao, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000đồng cho mỗi trẻ theo yêu cầu của Anh T.

[5] *Về tài sản*: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Anh T, chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Lưu Nguyễn Kim T1.

2. Về con chung: giao anh Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 18/6/2008, Nguyễn Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/10/2009, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 04/5/2016 và Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/11/2018. Chị Lưu Nguyễn Kim T1 có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lưu Nguyễn Kim T1 cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Anh T2 mỗi tháng 1.000.000 đồng, cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh H mỗi tháng 1.000.000 đồng, cháu Nguyễn Thị Mỹ D mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu Nguyễn Ngọc Diễm Q mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực đến khi cháu T2, cháu H, cháu D, cháu Q tròn 18 tuổi.

4. Về án phí*:* Anh Nguyễn Ngọc T chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 01584 ngày 09/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con): Buộc chị Lưu Nguyễn Kim T1 chịu 300.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo*: anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lưu Nguyễn Kim T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh